

Bản án số: 139/2023/HS-PT

Ngày: 29-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Quê

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Xuân Miên

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Hải Sơn, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Phạm Trúc Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 149/2023/TLPT-HS ngày 05 tháng 12 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Văn Đ và Huỳnh Thanh S do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1981 tại huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 4, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn R và bà Võ Thị U; vợ tên Phạm Thị H và có 02 con; tiền án, tiền sự: Có 01 tiền sự (ngày 08/10/2019, bị Chủ tịch UBND huyện U Minh ra Quyết định số 42/QĐ-XPVPHC xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, nộp phạt xong ngày 15/10/2019); nhân thân: Có 02 tiền sự đã được xóa (1. Ngày 26/4/2017 bị Trưởng Công an huyện U Minh ra Quyết định số 55/QĐ-XPHC xử phạt 02 triệu đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt xong ngày 30/5/2017; 2. Ngày 09/5/2018, bị Trưởng Công an huyện U Minh ra Quyết định số 46/QĐ-XPVPHC xử phạt 02 triệu đồng về hành vi đánh bạc trái phép, nộp phạt xong ngày 14/5/2018); bị tạm giam từ ngày 27/02/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Huỳnh Thanh S, sinh năm 1988 tại huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; nơi cư trú: Ấp 4, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Thanh L và bà Lê Thị H1; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 17/02/2023 đến nay. Bị cáo có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo S: Luật sư Trần Dân Quốc của Văn phòng Luật sư Chánh Kiến thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Luật sư có mặt.

- Bị hại: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 3/2020, do cần tiền tiêu xài cá nhân, Huỳnh Thanh S và Nguyễn Văn Đ cùng nhau bàn bạc làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cầm cố lấy tiền chia nhau sử dụng. Thực hiện ý định trên, S lên Facebook thuê người làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 30.000.000 đồng. Đến ngày 25/3/2020, S nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Sau đó, Đ gặp ông Trần Thanh L đề nghị cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, vị trí đất Đ chỉ là nơi Đ đang ở thuộc Ấp 4, xã Kh, huyện U với giá 250.000.000 đồng. Ông L đồng ý, nhưng phải làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất S cho ông L. Sau khi chứng thực hợp đồng xong, ông L đưa trước cho Đ 200.000.000 đồng, đến khoảng 15 ngày sau ông L đưa tiếp cho Đ 50.000.000 đồng. Nhận được tiền, Đ đưa cho S số tiền là 103.000.000 đồng, còn lại Đ giữ tiêu xài cá nhân.

Khoảng 10/2020, ông L phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là giả nên đến gặp Đ đòi lại tiền, thì Đ thừa nhận giấy chứng nhận trên là giả đồng thời trả cho ông L 100 triệu đồng, số tiền còn lại Đ hứa đến 01/2021 sẽ trả đủ nhưng không thực hiện. Đến ngày 24/10/2022 ông L tố giác hành vi của S và Đ đến Cơ quan cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh.

Tại kết luận giám định số 349/KL-KTHS ngày 14/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận: Phôi “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BI 852136 họ và tên Nguyễn Văn Đ ngày 20 tháng 12 năm 2019 (ký hiệu A) là giả; Chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên Phạm Mai Thắm, dưới mục “Phó giám đốc” trên “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BI 852136 họ và tên Nguyễn Văn Đ ngày 20 tháng 12 năm 2019 (ký hiệu A) so với chữ ký, phía dưới chữ ký có họ tên Phạm Mai Thắm, dưới mục “Phó giám đốc” trên 04 công văn số 836/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 03/10/2019; 928/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 04/11/2019; 993/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 26/11/2019; 1104/VPĐKĐĐ-ĐK&CGCN ngày 31/12/2019 và thông báo số 828/TB-VPĐKĐĐ ngày 30/9/2019 (ký hiệu từ M2-M6) là không phải do cùng một người ký ra; Hình dấu tròn màu đỏ dưới mục “Phó giám đốc” trên “giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số BI 852136 họ và tên Nguyễn Văn Đ ngày 20 tháng 12 năm 2019 (ký hiệu A) không phải do con dấu có hình mẫu, dưới mục “Chánh văn phòng” trên 02 (hai) “Thông báo” số 410/TB-STNMT ngày 01/8/2019, số 419/TB-STNMT, ngày 08/8/2019 (ký hiệu M7, M8) đóng ra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã quyết định:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ 06 (sáu) năm 06 (tháng) tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2023.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b khoản 3 Điều 341, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo S 07 (bảy) năm 06 (tháng) tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/02/2023.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn xử lý về trách nhiệm dân sự, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 06/11/2023, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đ; đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo S, sửa 01 phần Bản án hình sự sơ thẩm 36/2023/HS-ST ngày 30/10/2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh về phần hình phạt đối với bị cáo S, xử phạt bị cáo từ 10 năm đến 10 năm 03 tháng tù.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo S trình bày: Bị cáo có ông ngoại tên Lê Văn S1 là liệt sĩ được Tổ quốc ghi công và tặng nhiều Huân chương, gia đình bị cáo có khắc phục cho bị hại được 10 triệu đồng tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo S.

- Ông L trình bày: Tại phiên tòa, gia đình bị cáo S có khắc phục được 10 triệu đồng, còn nợ lại 65 triệu đồng. Do đó, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, cụ thể: khoảng tháng 3 năm 2020, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn Đ và Huỳnh Thanh S đã bàn bạc thống nhất thông qua mạng Facebook thuê đối tượng không rõ lai lịch làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Nguyễn Văn Đ với giá là 30.000.000 đồng. Sau khi nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, Đ mang đi cầm cố cho ông Trần Thanh L để chiếm đoạt 250.000.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân. Với các tình tiết này, Tòa án nhân dân huyện U Minh đã xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 và tội “Sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Đối với tội “Sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức” thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước. Đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” thuộc trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân. Các bị cáo không có câu kết bàn bạc chặt chẽ

trước khi phạm tội nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và cùng là người thực hiện hành vi phạm tội. Các bị cáo sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người dân là hành vi trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi mà các bị cáo đã gây ra.

[3] Đối với bị cáo Đ: Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ và toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Đã bồi thường được 175 triệu đồng cho bị hại; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Có bác ruột tên Nguyễn Văn Bạch là liệt sĩ; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Từ đó, xử phạt bị cáo 06 năm 06 tháng tù (mức hình phạt dưới khung) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là tương xứng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Do đó, kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận.

[4] Đối với bị cáo S: Quá trình xét xử, cấp sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ và toàn diện tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo gồm: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có bà nội tên Trần Thị Thanh được tặng Huân chương hạng ba. Từ đó, xử phạt bị cáo 07 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là tương xứng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới gồm gia đình bị cáo đã khắc phục được 10 triệu đồng cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo còn có ông ngoại tên Lê Văn S1 là liệt sĩ được Tổ quốc ghi công và được tặng nhiều Huân chương. Do đó, chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc giảm nhẹ một phần hình phạt ở tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[5] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau và ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo S được chấp nhận.

[6] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, gia đình bị cáo S đã tự nguyện hoàn trả thay bị cáo S cho ông L 10 triệu đồng, nên cần phải điều chỉnh lại phần trách nhiệm dân sự của bị cáo cho phù hợp.

[7] Do kháng cáo của bị cáo Đ không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm đối với bị cáo S, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo hoặc bị kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ khi hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Đ; Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo S; Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2023/HS-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện U Minh về phần hình phạt đối với bị cáo S.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2023.

2.2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Huỳnh Thanh S 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của các tội, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 17 tháng 02 năm 2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Huỳnh Thanh S phải hoàn trả cho ông Trần Thanh L 75.000.000 (bảy mươi lăm triệu) đồng, được khấu trừ 10.000.000 (mười triệu) đồng gia đình bị cáo đã khắc phục, bị cáo còn phải tiếp tục hoàn trả cho ông L 65.000.000 (sáu mươi lăm triệu) đồng.

4. Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2035/UBTVQH14 ngày 30/12/2035 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Đ phải chịu án phí hình sự phúc thẩm với số tiền 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Bị cáo S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh;
- Công an huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa HS, án văn, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế